TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN N** **TỈNH BẮC KẠN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **04/**2025/HNGĐ-ST
Ngày: 26-6-2025
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N, TỈNH BẮC KẠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Út Lệ

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Triệu Xuân Nguyên

Bà Đồng Khánh Hòa

- Thư ký phiên tòa: Bà Nông Thùy Chung - Thư ký viên Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Bắc Kạn.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Bắc Kạn tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Hải Trinh - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Bắc Kạn xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 13/2025/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 3 năm 2025 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 5 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số: 03/2025/QĐST-HNGĐ, ngày 16 tháng 6 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lý Thị N, sinh năm 2000 - Địa chỉ: Thôn N, xã C, huyện N, tỉnh Bắc Kạn (Có mặt).

- Bị đơn: Anh Nông Xuân H, sinh năm 1992 - Địa chỉ: Tiểu khu B, thị trấn V, huyện N, tỉnh Bắc Kạn (Vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 20/3/2025, nộp trực tiếp ngày 24/3/2025, bản tự khai, các lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Lý Thị N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nông Xuân H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện N, tỉnh Bắc Kạn vào ngày 25/10/2019. Sau khi kết hôn, vợ chồng chị sinh sống, đi lại giữa hai gia đình nội ngoại, thời gian đầu chung sống hòa thuận hạnh phúc. Mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ khoảng năm 2022. Nguyên nhân do chị cho rằng anh H nghiện ma túy, dư luận địa

phương cũng có thông tin như vậy, tuy nhiên không có bằng chứng để khẳng định việc anh H nghiện ma túy. Anh H lười lao động, không giúp đỡ chị trong công việc đồng áng, chăm sóc con cái, không có trách nhiệm gì đối với gia đình, vợ con. Sau nhiều lần chị và hai bên gia đình khuyên nhủ, anh H vẫn không thay đổi. Mâu thuẫn kéo dài và ngày càng trầm trọng nên đến tháng 6 năm 2024, vợ chồng chị sống ly thân, chị sống với ông bà nội của chị tại xã C, huyện N, tỉnh Bắc Kạn. Anh H sống cùng mẹ đẻ của anh H tại Thị trấn V, huyện N, tỉnh Bắc Kạn. Vợ chồng không còn quan tâm, yêu thương nhau nữa. Nay chị thấy cuộc sống hôn nhân rơi vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, chị thấy không còn tình cảm với anh H nên kiên quyết xin được ly hôn với anh H.

Về con chung, cấp dưỡng nuôi con chung: Quá trình chung sống, vợ chồng chị có 01 con chung là Nông Lý Bảo N1, sinh ngày 26/4/2020 (Cháu khỏe mạnh và phát triển bình thường). Hiện nay, cháu N1 đang sống cùng với chị. Ly hôn, chị có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu N1 cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Chị không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Nông Xuân H đã được Tòa án thông báo tham gia tố tụng, thông báo yêu cầu cung cấp chứng cứ, tống đạt các văn bản tố tụng nhưng không đến Tòa án làm việc, không cung cấp lời khai, không có yêu cầu phản tố không cung cấp chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện N đã tiến hành các thủ tục tố tụng để giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật. Qua xác minh tại địa phương xác định anh Nông Xuân H có đăng ký hộ khẩu thường trú và hiện đang cư trú tại Tiểu khu B, thị trấn V, huyện N, tỉnh Bắc Kạn. Anh H đã ký nhận một số văn bản tố tụng của Tòa án theo dịch vụ bưu chính, được mẹ đẻ là bà Hoàng Thị O nhận, cam kết giao tận tay ngay một số văn bản tố tụng. Với các văn bản không tống đạt được, Tòa án đã tiến hành thủ tục tống đạt, niêm yết theo quy định của pháp luật.

Do sau khi kết hôn, anh H, chị N đi lại sinh sống ở 02 nơi nên Tòa án đã xác minh, lấy lời khai của chính quyền địa phương, những người làm chứng nơi vợ chồng đã từng sinh sống. Qua xác minh, xác định:

Tại Tiểu khu B, thị trấn V, huyện N, tỉnh Bắc Kạn: Người thân của anh H xác định sau khi kết hôn, vợ chồng anh H, chị N sinh sống ở 02 nơi, thời gian chung sống, ban đầu vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc, tuy nhiên, sau một thời gian, anh H nghiện ma túy, không chăm lo cho gia đình, vợ con, gia đình có khuyên nhủ nhiều lần nhưng anh H không nghe nên chị N đã bỏ đi khỏi nhà, vợ chồng sống ly thân đã được một thời gian.

Chính quyền tiểu khu B, xác định qua dư luận địa phương có thông tin anh H nghiện ma túy. Chị N đã bỏ nhà đi không còn chung sống với anh H.

Tại thôn N, xã C, huyện N, tỉnh Bắc Kạn:

Người thân của chị N xác định sau khi kết hôn, vợ chồng anh H, chị N có thời gian sinh sống tại thôn, quá trình chung sống, anh H không phụ giúp chị N các công việc gia đình, việc đồng áng, không quan tâm, không có trách nhiệm với vợ con, thường xuyên bỏ đi chơi. Gia đình có khuyên nhủ nhiều lần nhưng anh H không nghe nên vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn. Từ tháng 6 năm 2024, vợ chồng đã sống ly thân cho đến nay.

Chính quyền thôn N, xác định qua dư luận địa phương có thông tin anh H nghiện ma túy. Chị N đã về sinh sống cố định ở địa phương từ khoảng tháng 5 năm 2024 cho đến nay, anh H đi đâu không rõ, vợ chồng hiện không còn chung sống. Chính quyền thôn đề nghị Tòa án xem xét giải quyết vụ án để đảm bảo quyền lợi cho 02 mẹ con chị N.

Tại phiên tòa sơ thẩm, chị N giữ nguyên toàn bộ yêu cầu khởi kiện.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Bắc Kạn tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

***** Quá trình tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn đã chấp hành và tuân theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; đối với bị đơn đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không chấp hành theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn đã được triệu tập tham gia phiên tòa vào ngày 16/6/2025 và 26/6/2025 nhưng vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Tòa án căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn là đúng với quy định của pháp luật.

* Về nội dung vụ án: Áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147 BLTTDS; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Lý Thị N về việc ly hôn với anh Nông Xuân H.

- Về con chung: Giao 01 con chung là cháu Nông Lý Bảo N1, sinh ngày 26/4/2020 cho chị Lý Thị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi cháu N1 đủ 18 tuổi. Anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Lý Thị N không có yêu cầu nên không đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét do đương sự không có yêu cầu.

- Về án phí: Đương sự phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát tham gia phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Lý Thị N khởi kiện anh Nông Xuân H yêu cầu được ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn nên đây là vụ án hôn nhân và gia đình về tranh chấp ly hôn, nuôi con theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại tiểu khu B, thị trấn V, huyện N, tỉnh Bắc Kạn nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện N theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa vào các ngày 16/6/2025 và ngày 26/6/2025 nhưng đều vắng mặt không lý do, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, không có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ các Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lý Thị N và anh Nông Xuân H chung sống trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện N, tỉnh Bắc Kạn vào ngày 25/10/2019 và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 08/2019 nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Chị N xác định mâu thuẫn vợ chồng phát sinh sau khi kết hôn một thời gian ngắn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do chị cho rằng anh H nghiện ma túy, lười lao động, không có trách nhiệm với gia đình, vợ con. Vợ chồng không có sự yêu thương, chia sẻ, chăm sóc lẫn nhau. Vì vậy, chị thấy tình cảm vợ chồng không còn nữa, đời sống chung không thể hòa hợp, chị kiên quyết xin được ly hôn với anh H.

Quá trình tố tụng, Tòa án triệu tập anh H đến Tòa án để hòa giải, hàn gắn tình cảm vợ chồng, có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị N và cung cấp chứng cứ liên quan đến vụ án nhưng anh H không đến. Điều này chứng tỏ bản thân anh H cũng không muốn vợ chồng có cơ hội để đoàn tụ với nhau, còn chị N xác định không còn tình cảm với anh H. Như vậy, tình trạng hôn nhân giữa chị N và anh H đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, chị N yêu cầu được ly hôn với anh H là có căn cứ chấp nhận, phù hợp với quy định tại Điều 51 và Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Quá trình chung sống, vợ chồng có 01 con chung tên Nông Lý Bảo N1, sinh ngày 26/4/2020. Cháu khỏe mạnh và phát triển bình thường. Chị N có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con. Xét thấy, việc giao con cho ai nuôi phải bảo đảm quyền lợi của con chưa thành niên. Qua xác minh tại chính quyền địa phương, lời khai của nguyên đơn, người làm chứng, có căn cứ xác định cháu N1 sống cùng chị N luôn được sự quan tâm, chăm sóc tốt từ mẹ. Chị N có công việc, có thu nhập ổn định, cùng với chị N, ông bà nội của chị N cũng có sức khỏe, có điều kiện kinh tế và có nguyện vọng giúp đỡ chị N trong việc nuôi con. Cháu được nuôi dưỡng, chăm sóc, có môi trường học tập và phát triển tốt. Anh H không không quan tâm, gửi chi phí nuôi dưỡng đối với con. Đồng thời, trong suốt quá trình tố tụng, anh H không có ý kiến thể hiện nguyện vọng, mong muốn đối với con chung như thế nào. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy việc giao con chung cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng là có căn cứ chấp nhận, phù hợp với các Điều 81, 82 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị N tự nguyện không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Từ những phân tích trên có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Ý kiến của Kiểm sát viên là phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Đương sự phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, 228, 266, 271 và 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 Nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lý Thị N đối với anh Nông Xuân H về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung khi ly hôn.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lý Thị N được ly hôn với anh Nông Xuân H (Giấy chứng nhận kết hôn số 08/2019 do Ủy ban nhân dân xã C, huyện N, tỉnh Bắc Kạn cấp ngày 25/10/2019).

1.2. Về con chung: Giao 01 con chung là cháu Nông Lý Bảo N1, sinh ngày 26/4/2020 (Cháu khỏe mạnh và phát triển bình thường) cho chị Lý Thị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu đủ 18 tuổi.

1.3. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Lý Thị N không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở. Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích về mọi mặt của con, các bên đương sự có quyền khởi kiện về việc cấp dưỡng nuôi con chung và thay đổi người trực tiếp nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

1.4. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Lý Thị N phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm để sung công quỹ Nhà nước. Chị N đã nộp 300.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0002555 ngày 24/3/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N, tỉnh Bắc Kạn. Xác nhận chị Lý Thị N đã nộp đủ án phí.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bắc Kạn;
- VKSND huyện N;
- Chi cục THADS huyện N;
- UBND xã C (Nơi ĐKKH);
- Đương sự;
- Lưu: VP, HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Hoàng Út Lệ